

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀNG SU PHÌ
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 09/2017/HSST
Ngày 22 tháng 9 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG SU PHÌ- TỈNH HÀ GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Cao Danh Nhân**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Cao Xuân Tú** và ông **Bùi Quang Sinh**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông **Hoàng Văn Thuyên** – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì tham gia phiên tòa:
Ông **Lù Minh Tiên** - Kiểm sát viên.

Hồi 8h 00' ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 09/2017/HSST ngày 11 tháng 9 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2017/QĐ-HSST ngày 12/9/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phản Văn T** (Tên gọi khác: không); sinh năm: 1991. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn B, xã TN, huyện H, tỉnh Hà Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Dao; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12. Con ông: Phản Tà K; SN: 1964; con bà: Lý Thị Đ; SN: 1963. Có vợ là: Hoàng Thị L; SN: 1993 (đã ly hôn); Có 01 con là Phản Thị Thu N; sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 27/6/2017 sau đó chuyển tạm giam đến nay tại nhà tạm giữ Công an huyện Hoàng Su Phì. Có mặt .

Người bị hại: anh Phản Thanh P; SN: 1986.

Trú quán: Thôn Tân H, xã TN, huyện H, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phản Tà K; SN: 1964:

Trú quán: Thôn B, xã TN, huyện H. Tỉnh Hà Giang. Có mặt

2. anh Phản Văn C; SN: 1984.

Trú quán: Thôn B, xã TN, huyện H. Tỉnh Hà Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào giữa năm 2016 Phan Văn T có đi làm thuê tại cửa khẩu Lào Cai với công việc lập một nhóm người chuyên bốc vác thuê cho các chủ hàng, đến dịp trước tết Nguyên đán do chủ hàng chưa thanh toán nên bị cáo phải vay của một người tên T (cùng quen biết) số tiền 5 triệu đồng để trả nợ cho những người đã làm thuê cho mình, ngày 02/6/2017 khi đang ở Bắc Quang thì T ở Lào Cai có gọi điện đòi nợ, thấy số nợ đã lâu không trả bị cáo có hứa với T đến chiều ngày 03/6/2017 hẹn sang ngã ba đường Bắc Quang, - Quang Bình để thanh toán.

Sáng ngày 03/6/2017 bị cáo đi xe khách từ Bắc Quang về nhà tại xã TN để tìm tiền trả nợ, đến 10h cùng ngày T về đến nhà do không vay được ai ở gần nhà nên có đến nhà anh trai là Phan Văn C mượn 01 xe máy loại xe Win, nhãn hiệu ESPERO, BKS: 23B1-099.37 nói đi có việc riêng nên anh C đã đồng ý, khi mượn được xe bị cáo điều khiển xe đến km 38 thuộc xã N sau đó rẽ theo đường tỉnh lộ hướng Hoàng Su Phì – Bắc Quang nhưng không gặp được người quen để vay tiền. Khi đến km20 thuộc Thôn O, xã N thì thấy xe ô tô chở vật liệu của anh Phan Thanh P đang đỗ cạnh đường, vì là người cùng xã thường xuyên chở vật liệu qua lại trên địa bàn, trên cửa xe có số điện thoại nên bị cáo nảy sinh ý định lừa dối P bằng cách tạo ra thông tin giả để lấy tiền trả cho anh T. Cụ thể bị cáo đã gọi điện cho anh P hỏi anh P có chở vật liệu từ Bắc Quang vào Thông nguyên không, khi được anh P trả lời có thì bị cáo nói thuê P chở vật liệu về nhà mình, anh P nhất trí và nói bị cáo ngồi chờ ở nhà em trai là Phan Chàn C ở gần đó khi ăn cơm xong rồi về bàn bạc cụ thể. Đến 12h30' khi anh P và anh C về đến nơi thì T đang đợi ở đó, trong lúc ngồi uống nước thì T có nói là con của ông Phan Tà K ở Thôn B, xã TN, hai bên thoả thuận công chở vật liệu là 1,3 triệu đồng và có nói với anh P vì mang thiếu tiền nên hỏi vay 05 triệu đồng để trả tiền vật liệu, khi chở về đến đầu cầu trung tâm xã thì bị cáo sẽ trả tiền cước và cả tiền vay, thấy T nói vậy anh P cũng tin tưởng và đồng ý nhưng không có tiền mang theo có bảo T ngồi chờ để đi lấy tiền về cho vay. Sau đó anh P đến nhà ông Phan Giào H ở Thôn H, xã N lấy tiền vật liệu 13 triệu đồng mà ông H trước đó đã mua chưa thanh toán. Đến 14h cùng ngày anh P mang tiền về cho T vay 5 triệu gồm 25 tờ mệnh giá 200.000,đ, khi nhận tiền xong T có nói đi xe máy mang tiền ra thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang để mua và trả tiền trước, anh P lái xe ô tô đi sau khi nào ra đến Tân Quang thì gọi điện cho T biết để thông báo địa điểm bốc xếp vật liệu lên xe. Khi nhận tiền xong T cầm tiền đi xe máy ra đến thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang và khoảng 14h30' thì anh P đã đến Tân Quang có điện thoại cho T hỏi địa chỉ nơi bốc hàng thì T có trả lời bảo anh vẫn lái xe xuống thị trấn Việt Quang, còn T đến gặp anh T đang đợi ở ngã ba đi Quang Bình trả 05 triệu đồng sau đó tắt điện thoại, bị cáo đi về theo đường xã Tân Trinh đi xã Quang Minh huyện Quang Bình rồi về

nhà, sau đó sợ phát hiện đã bỏ đi xã Yên Hà, huyện Quang Bình làm thuê đến ngày 27/6/2017 khi về thị trấn Vinh Quang, huyện Hoàng Su Phì thì bị bắt giữ.

Còn anh Phàn Thanh P tin tưởng bị cáo đã lái xe đến thị trấn Việt Quang và tiếp tục gọi điện cho T nhưng không liên lạc được, sau đó quay xe về nhà, nhiều lần liên lạc vẫn không được nên anh đã đến Thôn B, xã TN thì được biết T không còn ở địa phương, ngày 26/6/2017 anh làm đơn trình báo công an giải quyết.

Trong quá trình điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và có nhờ gia đình bồi thường cho anh P 05 triệu đồng. Anh P cũng đã nhận đủ tiền và không yêu cầu bồi thường gì thêm, tại phiên tòa anh xin giảm nhẹ hình phạt vì thấy bị cáo vì hoàn cảnh khó khăn mà vi phạm.

Về vật chứng: Thu giữ 01 xe máy loại xe Win, nhãn hiệu ESPERO, BKS: 23B1-099.37; 01 giấy đăng ký xe mang tên Phàn Văn C nhưng quá trình điều tra chứng minh được là xe thuộc quyền sở hữu của anh C, khi bị cáo mượn xe đi lừa đảo anh C không biết nên cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu.

Về điện thoại của bị cáo dùng sim số 01682634263 để liên lạc với anh P khi làm thuê ở Yên Hà, Quang Bình bị cáo đã làm mất nên không thu giữ được.

Về sim điện thoại bị cáo dùng để liên lạc với anh P đã xác định sim số 01682634263 mang tên ông Phàn Tà K (bố bị cáo), ông K đã xác nhận sim điện thoại này đã cho bị cáo sử dụng từ tháng 2/2017, ông không biết bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội, hiện nay đã mất ông không đòi lại và ông cũng trình bày bị cáo đang gặp nhiều khó khăn, vợ đã ly hôn, hiện nay con bị cáo ông đang phải chăm sóc, đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt.

Về trách nhiệm bồi thường anh Phàn Văn C là anh trai bị cáo trình bày sau khi sự việc xảy ra bị cáo có nhờ gia đình bồi thường trả lại cho anh P 05 triệu đồng, anh cũng đã nhất trí và lấy tiền của mình trả lại cho anh P 05 triệu vào ngày 27/7/2017, hiện nay anh cũng không yêu cầu bị cáo trả lại vì hoàn cảnh khó khăn, vợ đã bỏ đi (ly hôn); có 1 con đang nhờ ông bà nội nuôi dưỡng, đề nghị xin giảm hình phạt cho bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 09/KSĐT-MT ngày 11/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì đã truy tố bị cáo Phàn Văn T về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 điều 139 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện VKS giữ nguyên quyết định truy tố và trong phần luận tội đại diện Viện kiểm sát cho rằng bị cáo được hưởng 3 tình tiết giảm nhẹ: Đã tác động nhờ gia đình bồi thường, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải qui định tại điểm b,h, p khoản 1 điều 46 Bộ luật Hình sự và tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 điều 46: là người dân tộc sống ở vùng đặc biệt khó khăn, vợ bỏ đi phải đang nuôi con nhỏ, áp dụng điều 33 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 08 đến 12 tháng tù, về trách nhiệm dân sự do bị hại, người liên quan không yêu cầu nên không xem xét. Tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo VKS

không có ý kiến, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định. Ngoài ra không áp dụng hình phạt bổ sung, bị cáo phải chịu án phí theo qui định.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình theo như cáo trạng đã truy tố. Tại phần tranh luận bị cáo có ý kiến tranh luận và xin giảm nhẹ hình phạt với lý do hoàn cảnh hiện nay gặp nhiều khó khăn vợ đã ly hôn và đi nơi khác sinh sống, con gái 5 tuổi đang phải nhờ ông bà nội nuôi dưỡng, mong sớm được trở về lao động, nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào nội dung vụ án, các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Hoàng Su Phì, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật Tố tụng Hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng, cơ quan tố tụng giải quyết vụ án. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đều đảm bảo tính hợp pháp, đúng pháp luật.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, do có ý thức chiếm đoạt tiền của anh P để lấy tiền trả nợ, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra thông tin giả như: thuê anh P 1,3 triệu đồng để chở vật liệu từ Bắc Quang vào Thông Nguyên, Hoàng Su Phì, khi anh P đã đồng ý thì bị cáo tiếp tục lợi dụng lòng tin nêu lý do mang thiếu tiền để hỏi vay anh P 05 triệu đồng để mang ra trước trả tiền vật liệu và hứa khi chở vật liệu về đến Thông nguyên thì trả anh P cả tiền cước và tiền vay. Do tin tưởng là người cùng xã anh P đã cho bị cáo vay, khi nhận được tiền bị cáo đã sử dụng vào việc cá nhân của mình và tắt điện thoại nhằm trốn tránh sự phát hiện. Theo qui định tại khoản 1, điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 thì: “ *Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng.... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm*”. Như vậy, hành vi của bị cáo Phan Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. HĐXX thấy rằng việc truy tố để xét xử bị cáo theo khoản 1 điều 139 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Vụ án mang tính chất ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, gây mất an ninh trật tự tại địa phương Bản thân bị cáo là người đã thành niên, có đủ khả năng nhận thức về hành vi của mình, biết việc chiếm đoạt tài sản thuộc sở hữu của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do lười lao động, không có thu nhập để trả nợ nên bị cáo đã tìm cách lừa dối để lấy tiền của anh P

mang đi trả nợ, phạm tội do lỗi cố ý. Do đó phải áp dụng một mức án phù hợp, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo có cơ hội giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và đáp ứng được công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn.

[4] Xét nhân thân: bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án. tiền sự, trước khi thực hiện hành vi lừa đảo chưa vi phạm pháp luật. Về tình tiết tăng nặng: không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình, sau khi xảy ra bị cáo đã nhờ gia đình để bồi thường thiệt hại cho người bị hại, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đang phải nuôi con nhỏ, là lao động chính trong gia đình, tại phiên tòa bị hại, người liên quan có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là các tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 điều 46 Bộ luật Hình sự, vì vậy khi lượng hình Hội đồng xét xử cần áp dụng thêm Điều 47 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo ở mức án dưới khung hình phạt cũng phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra. Đề nghị của VKS về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ là có cơ sở để xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Số tiền 05 triệu đồng anh Phan Văn C bồi thường cho người bị hại, anh C không yêu cầu bị cáo T toán, ông Phan Tà K không yêu cầu bị cáo bồi thường sim điện thoại đã mất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng: 01 xe máy xe Win, nhãn hiệu ESPERO, BKS: 23B1-099.37; 01 giấy đăng ký xe mang tên Phan Văn C đã xác định không liên quan đến vụ án, Cơ quan điều tra đã trao trả lại cho chủ sở hữu là có cơ sở HĐXX không xem xét.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo **Phan Văn T** phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 139, điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điều 47, điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Phan Văn T **04** (bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 27/6/2017. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Phan Văn T phải chịu 200.000,đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện HSP;
- Công an HSP;
- Chi cục THADS HSP;
- Bị cáo, bị hại, người liên quan;
- UBND xã TN;
- Lưu HS+THAPT+BP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Cao Danh Nhân